

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~3287~~ /UBND - NV

Đức Thọ, ngày 04 tháng 10 năm 2019

V/v thực hiện chế độ, chính sách đối  
với cán bộ, công chức, viên chức

Kính gửi:

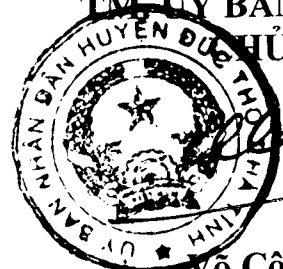
- Các Phòng, Ban, đơn vị thuộc UBND huyện
- Ủy ban nhân dân các xã, Thị trấn.

Thực hiện Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị Quyết số 164/2019/NQ-HĐND; Hướng dẫn Liên ngành số 199/HDLN-SNV-STC ngày 27/9/2019 của Liên ngành Sở Nội vụ, Sở Tài chính về Hướng dẫn Thực hiện Nghị Quyết số 164/2019/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 – 2021. UBND huyện đề nghị các Phòng, Ban, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn căn cứ nội dung Hướng dẫn ( Có hướng dẫn số 199/HDLN-SNV-STC kèm theo) triển khai thực hiện đạt hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Nội vụ (B/c);
- TT Huyện ủy; HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Ban TV Huyện ủy;
- Tổ công tác huyện;
- Cơ quan Tổ chức – Nội vụ;
- Lưu VT, NV.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ**  
**HỦ TỊCH**  
  
**Võ Công Hàm**

Số: 199/HDLN-SNV-STC

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 9 năm 2019

### **HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH**

**Thực hiện Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2021**

Căn cứ Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2021 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND);

Thực hiện Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND; Liên ngành Sở Nội vụ, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019 - 2021, như sau:

#### **I. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC HƯỞNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 164/2019/NQ-HĐND.**

**1. Đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, cấp huyện nghỉ công tác và không có phương án thay thế của cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính**

1.1. Nhóm đối tượng được nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng BHXH đủ hai mươi năm trở lên, ngoài chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được hỗ trợ như sau:

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ BHXH.

- Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng BHXH được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương.

1.2. Nhóm đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: Người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật BHXH năm 2014, ngoài chính sách quy định còn được hỗ trợ như sau:

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ BHXH.

- Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng BHXH được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 54 Luật BHXH.

1.3. Nhóm người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nhưng có nguyện vọng thôi việc ngay (trừ trường hợp các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND): Công chức, viên chức có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ; đối tượng lao động hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cấp tinh đồng ý nhưng có nguyện vọng thôi việc ngay, được cơ quan có thẩm quyền xem xét thì được hỗ trợ như sau:

- Trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.

- 01 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

- Được bảo lưu thời gian đóng BHXH và cấp Sổ BHXH hoặc nhận trợ cấp BHXH một lần theo quy định của Luật BHXH; được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**2. Đối tượng là công chức cấp tỉnh, cấp huyện có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản để lấy vị trí bố trí công tác cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính:** Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương còn được tinh hỗ trợ như sau:

2.1. Nhóm đối tượng công chức tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021).

2.2. Nhóm đối tượng công chức không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì được hưởng chế độ thôi việc ngay: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

2.3. Nhóm đối tượng công chức tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 đủ 57 tuổi 08 tháng trở lên đối với nam và đủ 52 tuổi 08 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được hỗ trợ nghỉ chờ; trong thời gian nghỉ chờ công chức

được hưởng nguyên tiền lương (hiện hưởng) và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định; Nếu công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

\* **Lưu ý:** Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách của nhóm đối tượng này (ngoài các thành phần hồ sơ theo quy định) phải có văn bản đề xuất của cơ quan, đơn vị về dự kiến tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã để thay vào vị trí công chức đang đảm nhận; văn bản đồng ý chuyển công tác của cơ quan quản lý cán bộ, công chức cấp xã. Trường hợp, không thực hiện đúng việc nhường chỗ cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì đơn vị đó phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã chi trả cho đối tượng nghỉ.

**3. Cán bộ cấp xã:** Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương còn được tỉnh hỗ trợ như sau:

3.1. Cán bộ cấp xã dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp và cán bộ của các xã, phường, thị trấn không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính có nguyện vọng nghỉ công tác để bố trí công tác cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp:

a) Nhóm cán bộ cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc chế độ nghỉ chờ hưu theo quy định hoặc đang hưởng chế độ hưu trí thì được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2020 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 3 năm 2020).

b) Nhóm cán bộ cấp xã không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc chế độ nghỉ chờ hưu theo quy định thì được hưởng chế độ thôi việc ngay: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2020 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 3 năm 2020) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

c) Nhóm cán bộ cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 đủ 59 tuổi 05 tháng trở lên đối với nam và đủ 54 tuổi 05 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ; trong thời gian nghỉ chờ cán bộ được hưởng nguyên tiền lương (hiện hưởng) và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định; Nếu cán bộ không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến

khi cán bộ đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

**\* Lưu ý:**

- Cơ quan có thẩm quyền phải chủ động nắm rõ nguyện vọng của đối tượng để hướng dẫn cán bộ xã trình hồ sơ nghỉ hưu trước tuổi theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, số 113/2018/NĐ-CP.

- Thời điểm thực hiện: từ ngày 01/9/2019.

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/3/2020.

- Đối tượng là cán bộ của các xã, phường, thị trấn không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính có nguyện vọng nghỉ công tác để bố trí công tác cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp được xác định ở 2 trường hợp:

+ Cán bộ cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác để lấy vị trí bố trí cho cán bộ cấp xã dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

+ Cán bộ cấp xã xin nghỉ công tác, bầu công chức của xã đó lên vị trí của cán bộ nghỉ và tiếp nhận một công chức khác của đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp về thay vị trí của công chức đã được bầu lên làm cán bộ.

Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách của nhóm đối tượng này (ngoài các thành phần hồ sơ theo quy định) phải có văn bản đề xuất của xã về dự kiến bố trí cán bộ, công chức thuộc đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp để thay vào vị trí cán bộ đang đảm nhận; văn bản đồng ý chuyển công tác của xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã. Trường hợp, không thực hiện đúng việc nhường chỗ cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thì xã đó phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã chi trả cho đối tượng nghỉ.

3.2. Cán bộ cấp xã được bầu giữ chức vụ tại đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi sắp xếp hoặc cán bộ của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đã được bố trí công tác khác mà có nguyện vọng nghỉ công tác để thực hiện tinh giản biên chế.

a) Nhóm cán bộ cấp xã tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định hoặc đang hưởng chế độ hưu trí: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng của cán bộ cấp xã đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021).

b) Nhóm cán bộ cấp xã không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng của cán bộ cấp xã đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

**\* Lưu ý:**

- Thời gian thực hiện: từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2021 (khi cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ công tác theo nguyện vọng của cán bộ cấp xã).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2021.

**4. Công chức cấp xã:** Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương còn được tỉnh hỗ trợ như sau:

4.1. Nhóm công chức cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 nếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác theo nguyện vọng của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021).

4.2. Nhóm công chức cấp xã không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì được hưởng chế độ thôi việc ngay: Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong trường hợp có thời gian nghỉ hưu trước ngày 31 tháng 12 năm 2021) và hỗ trợ 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

4.3. Nhóm công chức cấp xã tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019 đủ 57 tuổi 08 tháng trở lên đối với nam và đủ 52 tuổi 08 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ; trong thời gian nghỉ chờ công chức được hưởng nguyên tiền lương (hiện hưởng) và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định; Nếu công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

**\* Lưu ý:**

- Cơ quan có thẩm quyền phải chủ động nắm rõ nguyện vọng của đối tượng để hướng dẫn công chức hoàn thiện hồ sơ nghỉ hưu trước tuổi theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

- Thời điểm thực hiện: từ ngày 01/9/2019.

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/12/2021.

4.4. Đối với công chức cấp xã đã được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc ngay theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì được hỗ trợ 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng (tại thời điểm có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền) cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

**5. Đối với các xã, phường, thị trấn không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính nhưng dôi dư so với số lượng quy định tại Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh:**

- Công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã để giảm số lượng theo quy định tại Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND của HĐND (xã loại 1: Không quá 22 người; xã loại 2: Không quá 20 người; xã loại 3: Không quá 18

người (trong đó mỗi chức danh công chức cấp xã phải đảm ít nhất còn 01 công chức/01 xã)) nếu có nguyện vọng nghỉ công tác thì được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Cán bộ các xã không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính nếu có nguyện vọng nghỉ công tác mà giảm số lượng CBCCC của đơn vị hoặc để bố trí vị trí cho công chức của xã đó đảm bảo số lượng theo quy định tại Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thì được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách của đối tượng này (ngoài các thành phần hồ sơ theo quy định) phải có văn bản đề xuất của xã về việc bố trí công chức thay vị trí của cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác. Trường hợp, không thực hiện đúng việc bố trí vị trí cho công chức thì xã đó phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã chi trả cho đối tượng nghỉ.

### **6. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế:**

Được hỗ trợ 05 tháng tiền lương cơ sở cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở xuống. Từ năm thứ 06 trở đi, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ 01 tháng tiền lương cơ sở.

#### **\* Lưu ý:**

- Tiền lương cơ sở được xác định theo mức lương cơ sở tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2019 (1.390.000 đồng/tháng).

- Thời gian thực hiện nhận hồ sơ: từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/3/2020.

- Xác định thời gian công tác của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (nếu có ngắt quãng thì được cộng dồn):

Việc xác định thời gian công tác của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã qua các thời kỳ gắn liền với việc xác định chức danh của những người hoạt động không chuyên trách mà họ đảm nhiệm qua các thời kỳ. Song việc quy định các chức danh ở mỗi giai đoạn có sự thay đổi và không thống nhất. Trên cơ sở các văn bản quy định hiện hành qua các thời kỳ liên quan đến quy định về chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã, UBND cấp huyện lưu ý một số nội dung sau:

+ Giai đoạn trước 23/01/1998 (từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 trở về trước): Chưa có quy định về chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Do đó, ở giai đoạn này không được tính vào thời gian công tác của những người hoạt động KCT cấp xã.

+ Giai đoạn từ 23/01/1998 đến 21/10/2003 (từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 đến khi Chính phủ ban hành Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003): Các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và Phó các đoàn thể (Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh) - theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 09/1998/NĐ-CP. Do đó, ở giai đoạn này, UBND cấp huyện cần kiểm soát kỹ việc kê khai quá trình công tác gắn với hồ sơ, tài liệu kiểm chứng liên quan của những người hoạt động không chuyên trách

cấp xã, nhằm đảm bảo thực hiện chế độ chính sách theo Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND đúng quy định.

+ Giai đoạn từ 21/10/2003 đến 01/01/2010 (từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 đến khi Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009): Các chức danh người hoạt động không chuyên trách được xác định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 743/2004/QĐ-UBND ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh quy định về chức danh, số lượng, chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã giai đoạn này được bố trí không quá 10 người, do đó ở giai đoạn này UBND cấp huyện cần kiểm soát kỹ việc kê khai quá trình công tác gắn với hồ sơ, tài liệu kiểm chứng liên quan của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nhằm đảm bảo không vượt quá số lượng được bố trí, đồng thời thực hiện đúng chế độ chính sách theo Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND.

+ Giai đoạn từ 01/01/2010 đến 01/01/2016: Các chức danh người hoạt động không chuyên trách được xác định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã giai đoạn này được bố trí xã loại 1 không quá 17 người, xã loại 2 không quá 15 người, xã loại 3 không quá 14 người.

+ Giai đoạn từ 01/01/2016 đến 31/7/2019: Các chức danh người hoạt động không chuyên trách được xác định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh.

+ Giai đoạn từ 01/8/2019 đến nay: Các chức danh người hoạt động không chuyên trách được xác định theo quy định tại Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

7. Những người đã được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh theo Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND nếu được tuyển dụng lại vào các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập thì phải hoàn trả lại số tiền chính sách đã nhận tại Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND.

\* **Lưu ý:** Đối tượng này phải là đối tượng được thực hiện quy trình tuyển dụng theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

## **II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CÁC CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN:**

### **1. Tiền lương tháng để tính chế độ**

a) Tiền lương tháng làm căn cứ để tính chế độ quy định tại Khoản 2, Khoản 3, điểm b Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND được tính bằng bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội thực lĩnh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác của 05 năm cuối (60 tháng) trước thời điểm tinh giản. Đối với những trường hợp chưa đủ 05 năm công tác, thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.

b) Tiền lương tháng hiện hưởng để làm căn cứ tính các chế độ quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 164/2019/NQ-



HĐND: Là tiền lương của tháng liền kề trước thời điểm tinh giản biên chế (bao gồm tiền lương theo ngạch, bậc hoặc theo chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương, cộng với các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật).

## **2. Cách xác định số tháng tiền lương hỗ trợ**

a) Đối với chính sách quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 5, điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND:

Công chức có tuổi đời dưới 57 tuổi 8 tháng đối với nam và dưới 52 tuổi 8 tháng đối với nữ (tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019): Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các đối tượng còn lại: Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ.

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết:

Cán bộ cấp xã có tuổi đời dưới 59 tuổi 5 tháng đối với nam và dưới 54 tuổi 5 tháng đối với nữ (tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2019): Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Các đối tượng còn lại: Số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ.

c) Trường hợp cán bộ cấp xã đang hưởng chế độ hưu trí thuộc đối tượng hưởng chính sách tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND thì số tháng tiền lương hiện hưởng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31/12/2021.

## **3. Thời gian để tính chế độ**

a) Thời gian để tính chế độ là thời gian làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các hội được tính hưởng bảo hiểm xã hội và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người), nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng thì tính 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn 1 năm.

b) Thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chế độ là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh của đối tượng; trường hợp trong hồ sơ của đối tượng không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01 tháng 01 làm ngày tháng sinh của đối tượng.

c) Đối với chính sách quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND: Trường hợp thời gian nghỉ hưu trước tuổi có số tháng lẻ không đủ năm thì tính trợ cấp như sau: Số tháng lẻ từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng

được trợ cấp 01 tháng tiền lương; Số tháng lẻ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được trợ cấp 02 tháng tiền lương.”

d) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên mà có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Dưới 6 tháng thì không tính; từ đủ 6 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn là 01 năm.

### **III. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỜI GIAN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 164/2019/NQ-HĐND** (thực hiện theo Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh).

Trên đây là hướng dẫn liên ngành của Sở Nội vụ và Sở Tài chính về thực hiện Nghị quyết số 164/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 185/HD-SNV ngày 11/9/2019 của Sở Nội vụ, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ, Sở Tài chính để nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Đồng**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ**

(Đã ký)

**Phan Thị Tố Hoa**

#### **Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Huyện, Thành, Thị ủy;
- UBND các huyện, TP, TX;
- Các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT; SNV, STC.